

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SƠN LA
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 166/2017/HNGĐ- ST

Ngày 07/7/2017

V/v: Ly hôn giữa chị H, anh K

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Cầm Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bạ – Cán bộ nghỉ hưu.

2. Ông Lù Văn Quý – Cán bộ nghỉ hưu.

- Thư ký phiên toà: Bà Cà Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La tham gia phiên toà: Ông Phùng Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 84/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2017 V/v: Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh 1967. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trung K, sinh 1965. Vắng mặt.

Đầu ĐKKHTT tại: Tổ 5, phường Q, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Đầu tạm trú: Bản D, xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về tình cảm: chị H và anh K kết hôn năm 1989 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Q, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, không ai bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Kiên có mối quan hệ tình cảm với người khác, không tôn trọng vợ con, không chăm lo kinh tế gia đình. Chị H đã nhiều lần nhắc nhở nhưng không khắc phục được

mâu thuẫn. Đến nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn có nguyện vọng được ly hôn với anh K.

Về con chung: Có hai con chung cháu Nguyễn Trần T, sinh 23/10/1990 đã trưởng thành và có khả năng lao động; cháu Nguyễn Phương A, sinh 11/8/2001. Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương A, không yêu cầu anh K cấp dưỡng.

Về tài sản chung: 01 chiếc xe máy, 01 chiếc xe ô tô. Chị H và anh K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H cam đoan hai vợ chồng không có nợ chung.

Trong bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn Trung K trình bày:

Về tình cảm: Anh K xác nhận thời gian và địa điểm kết hôn như chị H trình bày là chính xác. Quá trình chung sống của hai vợ chồng cũng có một số mâu thuẫn nhưng chưa tới mức phải ly hôn. Anh K xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn không nhất trí ly hôn. Anh K có nguyện vọng đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Có hai con chung cháu Nguyễn Trần T, sinh 23/10/1990 đã trưởng thành và có khả năng lao động; cháu Nguyễn Phương A, sinh 11/8/2001. Anh K nhất trí và tôn trọng ý kiến nguyện vọng của cháu Phương A.

Về tài sản chung: Nếu ly hôn anh K nhất trí hai vợ chồng tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh K cam đoan không có nợ chung.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị ly hôn với anh Nguyễn Trung K; đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương A, không yêu cầu anh K cấp dưỡng; Về tài sản chung: chị H và anh K đều thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Chị H cam đoan hai vợ chồng không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề xuất hướng giải quyết:

Việc thụ lý, giải quyết của Thẩm phán và quá trình xét xử của Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật, việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về tình cảm: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Trung K.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương A, sinh 11/8/2001 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Hai bên đều thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Tòa án nhận định như sau:

Về Tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử (lần thứ nhất ngày 31/5/2017; lần thứ 2 ngày 19/6/2017, lần 3 ngày 23/6/2017) cho anh K nhưng anh K cố tình vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Trung K.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Trung K kết hôn từ năm 1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, không ai bị ép buộc nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh K là hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: chủ yếu là do anh K không tôn trọng vợ, không quan tâm chăm lo đến kinh tế của gia đình. Tại bản tự khai, biên bản hòa giải anh Kiên xác định hai vợ chồng cũng có mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn không lớn chưa tới mức phải ly hôn và có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập năm lần để hòa giải mâu thuẫn cho chị H và anh K nhưng anh K không có mặt. Anh K có nguyện vọng hòa giải mâu thuẫn, đoàn tụ gia đình nhưng không có hướng và biện pháp khắc phục mâu thuẫn, tạo lòng tin cho chị H. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã phân tích, khuyên giải chị H về hậu quả của việc ly hôn sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến con cái, hướng cho chị H khắc phục mâu thuẫn, đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dưỡng dạy dỗ con cái, nhưng chị H vẫn kiên quyết xin được ly hôn.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị H và anh K đã kéo dài trầm trọng, đời sống chung không hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Trung K, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Cháu Nguyễn Trần T, sinh 23/10/1990 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động; cháu Nguyễn Phương A, sinh 11/8/2001. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương A. Anh K có ý kiến tôn trọng ý kiến nguyện vọng của cháu Phương A. Tòa án đã tiến hành lập biên

bản ghi ý kiến nguyện vọng của cháu Phương A nhưng cháu Phương A không thể hiện ý kiến quan điểm muốn được trực tiếp ở với bố hay mẹ.

Xét về điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung: Chị H hiện công tác tại Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp dạy nghề tỉnh Sơn La có mức lương và thu nhập ổn định là 6.586.800,đ/tháng. Anh K hiện đang hành nghề lái xe taxi có mức thu nhập ổn định. Cả hai anh, chị đều có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phương A. Nhưng cháu Phương A là cháu gái và đang trong giai đoạn phát triển của tuổi dậy thì, cần có sự quan tâm chăm sóc về tâm sinh lý của người mẹ. Do đó cần giao cháu Phương A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục.

Xét thấy nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Phương A của chị H là có căn cứ cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H và anh K đều thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H và anh K đều cam đoan không có nợ chung.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Trung K.

2. *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 11/8/2001 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi cháu Phương A trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Anh Nguyễn Trung K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

3. *Về tài sản chung*: Chị H và anh K đều thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Chị H và anh K đều cam đoan không có nợ chung.

5. *Về án phí*: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 03277 ngày 06 tháng 02 năm 2017 tại Chi cục thi hành án thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND TP Sơn La (2);
- Chi cục THA TP Sơn La;
- UBND phường Q, TP Sơn La, tỉnh Sơn La (đề vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Cầm Thị Thanh Huyền